

Số: *306* /TTr-UBND

Hà Nội, ngày *06* tháng *9* năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Công văn số 153/HĐND-BVHXXH ngày 14/8/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình kỳ họp HĐND Thành phố;

Căn cứ Báo cáo số 263/BC-STP ngày 05/9/2024 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025 (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết), cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

- Luật Thủ đô ngày 21/11/2012;

- Luật Giá ngày 19/6/2023;

- Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP);

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP);

- Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Nghị định số 97/2023/NĐ-CP).

- Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô (Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND);

- Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND.

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ THẨM QUYỀN BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 12 Luật Thủ đô: “*Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao quy định tại khoản 3 Điều này*”.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP: “*b) Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt*”.

Để có cơ sở triển khai thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025, cần thiết phải xây dựng Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

2. Thẩm quyền ban hành Nghị quyết

Thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; khoản 3 Điều 4 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP.

Thẩm quyền quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025 do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

III. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết: Để có cơ sở triển khai thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

2.1. Đề xuất của UBND Thành phố

2.1.1. Khái quát về các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội

a) Thực trạng các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội

- Các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

Tính đến tháng 7 năm 2024, Thành phố Hà Nội có 298 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao), trong đó:

+ 296 cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

+ 02 cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không thuộc loại hình đơn vị trên).

- Các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao

Tính đến tháng 7 năm 2024, thành phố Hà Nội có 17 cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chất lượng cao. Trong đó:

+ 16 cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao tự bảo đảm chi thường xuyên.

+ 01 cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (trường THCS Chu Văn An - Long Biên). Trường THCS Chu Văn An - Long Biên được công nhận chất lượng cao ngày 08/7/2022. Theo quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô (Theo khoản 4 Điều 12 Luật Thủ đô), đến tháng 8/2025 trường THCS Chu Văn An mới tự bảo đảm chi thường xuyên.

(chi tiết các đơn vị theo Phụ lục số 01 đính kèm)

b) Triển khai thu học phí năm học 2023-2024

- Đối với các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên của

thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)

+ 296 cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên: Thực hiện thu học phí theo quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023-2024 (Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND).

+ 02 cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không thuộc loại hình đơn vị trên): Căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của địa bàn, Thủ trưởng đơn vị quy định mức thu học phí. Tổng thu học phí của 02 cơ sở giáo dục năm học 2023-2024 khoảng 30.820 triệu đồng.

- Đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao

+ Thực hiện thu học phí

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013: “Việc theo học tại các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao theo nguyên tắc tự nguyện. Học phí của cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao được thu tương xứng với tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy được kiểm định”.

Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô năm học 2023-2024 quy định mức trần học phí cụ thể như sau: Trường mầm non: 5.100.000 đồng/học sinh/tháng; Trường tiểu học: 5.900.000 đồng/học sinh/tháng; Trường trung học cơ sở: 5.300.000 đồng/học sinh/tháng; Trường trung học phổ thông: 6.100.000 đồng/học sinh/tháng.

Trên cơ sở mức trần học phí, Thủ trưởng cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao căn cứ vào điều kiện kinh tế xã hội của địa bàn, cùng với cam kết thực hiện chất lượng giáo dục cao theo tiêu chí cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và kết quả kiểm định để quyết định mức thu học phí cụ thể (tỷ lệ tăng học phí không quá 7,5%) sau khi có sự thống nhất bằng văn bản của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý.

+ Mức thu học phí cụ thể

Cấp mầm non (07 cơ sở giáo dục): Mức thu học phí bình quân 4.182.895 đồng/học sinh/tháng (mức thu thấp nhất 3.000.000 đồng/học sinh/tháng; mức thu cao nhất 5.100.000 đồng/học sinh/tháng), đạt tỷ lệ bình quân 82,0% so với mức trần;

Cấp học tiểu học (03 cơ sở giáo dục): Mức thu học phí bình quân 4.483.333 đồng/học sinh/tháng (mức thu thấp nhất 3.000.000 đồng/học sinh/tháng; mức thu cao nhất 5.900.000 đồng/học sinh/tháng), đạt tỷ lệ bình quân 76,0% so với mức trần;

Cấp học trung học cơ sở (05 cơ sở giáo dục): Mức thu học phí bình quân 3.827.500 đồng/học sinh/tháng (mức thu thấp nhất 3.010.000 đồng/học sinh/tháng; mức thu cao nhất 5.105.000 đồng/học sinh/tháng), đạt tỷ lệ bình quân 72,2% so với mức trần;

Cấp học trung học phổ thông (02 cơ sở giáo dục): Mức thu học phí bình quân 4.650.000 đồng/học sinh/tháng (mức thu thấp nhất 2.750.000 đồng/học sinh/tháng; mức thu cao nhất 6.100.000 đồng/học sinh/tháng), đạt tỷ lệ bình quân 76,2% so với mức trần;

Mức thu học phí của 17 cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao đạt từ 45,1% đến 100% mức trần (trong đó: Trường Mầm non đô thị Sài Đồng, Mầm non Việt Triều Hữu nghị, Tiểu học Đô thị Sài Đồng, Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa ở một số lớp có mức thu đạt 100% mức trần).

- Tổng số thu học phí

Năm học 2023-2024, tổng số thu học phí của 17 cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao là khoảng 443.905 triệu đồng, trong đó: Các trường mầm non là 88.662 triệu đồng, các trường tiểu học là 95.011 triệu đồng, các trường trung học cơ sở là 176.087 triệu đồng, các trường trung học phổ thông là 84.145 triệu đồng. Với số thu học phí nêu trên, cơ bản các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao đáp ứng chi phí cho hoạt động của nhà trường.

(chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)

c) Công tác tuyển sinh của các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội

Về cơ bản, các cơ sở giáo dục đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh, theo đúng quy định của các cấp quản lý. Cụ thể như sau:

- Năm học 2023-2024

Một số cơ sở giáo dục có số học sinh đăng ký thi tuyển, xét tuyển được xét trúng tuyển có tỷ lệ “chọi” cao. Cụ thể: Trường THCS Nam Từ Liêm (14%), Trường THCS Cầu Giấy (17%), THCS Thanh Xuân (14%)...

- Năm học 2024-2025

Một số cơ sở giáo dục có số học sinh đăng ký thi tuyển, xét tuyển được xét trúng tuyển có tỷ lệ “chọi” cao. Cụ thể: Trường THCS Nam Từ Liêm (14%), Trường THCS Cầu Giấy (17%), THCS Thanh Xuân (13%)...

2.1.2. Nguyên tắc đề xuất mức thu học phí năm học 2024-2025

a) Nguyên tắc xây dựng mức thu

- Quy định của Trung ương

+ Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP quy định: “b) Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi

thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt”.

+ Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định: “Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề”.

+ Tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “Ở các địa bàn có khả năng xã hội hóa cao, căn cứ chính sách phát triển giáo dục của nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định mức học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập (gồm cả cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông do các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu thành lập) trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo nguyên tắc mức thu học phí tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục đồng thời phải bảo đảm thực hiện các mục tiêu giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành”.

- Quy định của thành phố Hà Nội

Tại khoản 9 Điều 1 Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô quy định:

"1. Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao (trừ đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên) được ngân sách cấp kinh phí trong 03 năm (36 tháng) kể từ khi được công nhận theo lộ trình giảm dần:

Năm thứ nhất (12 tháng đầu kể từ khi được công nhận) cấp kinh phí chi thường xuyên theo định mức ngân sách như các cơ sở giáo dục công lập cùng cấp học giảng dạy theo chương trình giáo dục đại trà.

Năm thứ hai (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 kể từ khi được công nhận), năm thứ ba (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 36 kể từ khi được công nhận) cấp kinh phí chi tiền lương theo ngạch, bậc, phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo, phụ cấp ưu đãi nghề và các khoản trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn (theo quy định của pháp luật) theo mức lương cơ sở hiện hành cho số biên chế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Kết thúc 03 năm (36 tháng), cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao tự bảo đảm chi thường xuyên”.

- Đề xuất của Ủy ban nhân dân Thành phố

(1) Mức thu học phí đối với hình thức học trực tiếp

- Mức thu học phí được xây dựng trên cơ sở định mức chi phí do cơ sở giáo dục xây dựng và ban hành.

- Nguyên tắc xây dựng mức thu học phí, định mức chi phí trên cơ sở nguyên tắc do các đơn vị đề xuất (thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP).

(chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

(2) Mức thu học phí đối với hình thức học trực tuyến bằng 75% mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp (Kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND).

b) Đề xuất mức thu cụ thể

(chi tiết theo Phụ lục số 04 đính kèm)

c) Quy định áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng

Kế thừa quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND, cụ thể:

- Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến: Căn cứ thời gian học tập của học sinh tại đơn vị để áp dụng mức thu học phí của tháng đó, trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tiếp; trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tuyến (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) và mức thu học phí tương ứng đã được quy định.

- Thời gian thu học phí thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

2.2. Lý do đề xuất

Đảm bảo thực hiện đầy đủ theo quy định tại Luật Thủ đô ngày 21/11/2012; Luật Giá ngày 19/6/2023; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025, gồm:

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành

phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao);

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao) và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành Nghị quyết.

V. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN

- Ngày 03/7/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Tờ trình số 2060/TTr-SGDĐT gửi UBND Thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2024-2025;

- Ngày 12/7/2024, UBND Thành phố có Thông báo số 605/TB-UBND thông báo Kết luận của UBND Thành phố về đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2024-2025;

- Ngày 15/7/2024, UBND Thành phố có Tờ trình số 255/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao chưa tự bảo đảm chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2024-2025;

- Ngày 19/7/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2561/SGDĐT-KHTC về việc xin ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố gửi

các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, các Trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu có cơ sở giáo dục công lập trực thuộc trên địa bàn Thành phố;

- Ngày 19/7/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2562/SGDDT-KHTC về việc gửi phiếu lấy ý kiến góp ý về dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố gửi các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc các Trường Đại học, Học viện, Viện nghiên cứu, Sở Giáo dục và Đào tạo; Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận.

- Ngày 19/7/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo có Công văn số 2564/SGDDT-KHTC gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử Thành phố;

- Ngày 05/9/2024, Sở Tư pháp có Báo cáo số 263/BC-STP thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

VI. BỐ CỤC NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết: Gồm 04 Điều

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

Điều 3. Quy định áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025, gồm:

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao);

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao.

b) Đối tượng áp dụng

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao) và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.

- Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành Nghị quyết.

2.2. Quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025

a) Mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

b) Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 75% mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp và được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

2.3. Quy định áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng.

Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến: Căn cứ thời gian học tập của học sinh tại đơn vị để áp dụng mức thu học phí của tháng đó, trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tiếp; trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tuyến (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) và mức thu học phí tương ứng đã được quy định.

Thời gian thu học phí thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN ĐỀ NGHỊ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ XEM XÉT, THÔNG QUA

Nghị quyết dự kiến trình Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI xem xét, thông qua tại kỳ họp chuyên đề (kỳ họp thứ 18) tháng 9/2024.

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nguồn kinh phí: Từ nguồn thu học phí của trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập cung cấp hoạt động dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao); cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Các Đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Ban: VHXXH, KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng;
- Các phòng: KGVX, KTTH, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thu Hà

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM CHỈ THƯỜNG XUYÊN; CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Tờ trình số **306** /TTr-UBND ngày **06 / 9** /2024 của UBND Thành phố)

TT	Đơn vị	Thời hạn công nhận đạt tiêu chí chất lượng cao	Mức tự chủ tài chính	Ghi chú
A	Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)			
1	Trường Mầm non Linh Đàm		Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	Trực thuộc UBND quận Hoàng Mai
2	Trường THPT Hoàng Cầu		Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	Trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo
B	Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao			
I	Cấp mầm non			
1	Trường Mầm non đô thị Sài Đồng	31/3/2021 - 31/3/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
2	Trường Mầm non 20-10	28/4/2021 - 28/4/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
3	Trường Mầm non đô thị Việt Hưng	08/4/2021 - 08/4/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
4	Trường Mầm non Việt Bun	08/4/2021 - 08/4/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
5	Trường Mầm non B	06/10/2022 - 06/10/2027	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
6	Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị	06/10/2022 - 06/10/2027	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
7	Trường Mầm non Mai Dịch	06/10/2022 - 06/10/2027	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
II	Cấp học tiểu học			
1	Trường Tiểu học Nam Từ Liêm	05/7/2021 - 05/7/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
2	Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng	05/7/2021 - 05/7/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
3	Trường Tiểu học Tráng An	22/3/2021 - 22/3/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
III	Cấp học trung học cơ sở			
1	Trường THCS Nam Từ Liêm	17/5/2021 - 17/5/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
2	Trường THCS Cầu Giấy	28/3/2023- 28/3/2027	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
3	Trường THCS Thanh Xuân	28/3/2023- 28/3/2027	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
4	Trường THCS Chu Văn An - Long Biên	08/7/2022 - 08/7/2027	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Dự kiến tự chủ chi thường xuyên từ tháng 8/2025
5	Trường THCS Lê Lợi	09/7/2019 - 09/7/2024	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
IV	Cấp học trung học phổ thông			
1	Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa	17/5/2021 - 17/5/2026	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	
2	Trường THPT Lê Lợi	21/10/2020 - 21/10/2025	Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên	

**PHỤ LỤC SỐ 02: MỨC TRẦN, MỨC THU, TỔNG SỐ THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2023-2024
ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM
CHI THUƯỜNG XUYÊN; CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình số **306** /TTr-UBND ngày **06** / **9** /2024 của UBND Thành phố)

TT	Tên đơn vị	Mức trần học phí (đồng/học sinh/tháng)	Mức thu học phí (đồng/học sinh/tháng)	Tỷ lệ mức thu học phí và mức trần học phí	Tổng số thu học phí (triệu đồng)	Ghi chú
A	Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)				30.820	
1	Trường Mầm non Linh Đàm				7.631	
1.1	Nhà trẻ		2.500.000			
1.2	Mẫu giáo		2.200.000			
2	Trường THPT Hoàng Cầu				23.189	
2.1	Khối 10, 11		1.670.000			
2.2	Khối 12		1.830.000			
B	Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao				443.905	
I	Cấp mầm non	5.100.000			88.662	
1	Trường Mầm non đô thị Sài Đồng				9.216	
1.1	Nhà trẻ 12-18 tháng		5.100.000	100,0%		
1.2	Nhà trẻ 24-36 tháng; Mẫu giáo		3.950.000	77,5%		
2	Trường Mầm non 20-10		4.945.000	97,0%	15.453	
3	Trường Mầm non đô thị Việt Hưng				11.710	
3.1	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)		4.850.000	95,1%		
3.2	Nhà trẻ; Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)		3.550.000	69,6%		
4	Trường Mầm non Việt Bun				14.544	
4.1	Nhà trẻ		3.640.000	71,4%		
4.2	Mẫu giáo		3.440.000	67,5%		
5	Trường Mầm non B				10.278	
5.1	Nhà trẻ (18-24 tháng)		4.500.000	88,2%		
5.2	Nhà trẻ (24-36 tháng)		4.000.000	78,4%		
5.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)		3.000.000	58,8%		
5.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)		4.500.000	88,2%		
6	Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị				16.454	
6.1	Nhà trẻ (18-24 tháng)		5.100.000	100,0%		
6.2	Nhà trẻ (24-36 tháng)		4.300.000	84,3%		
6.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)		4.300.000	84,3%		
6.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)		5.100.000	100,0%		
7	Trường Mầm non Mai Dịch				11.007	
7.1	Nhà trẻ (18-24 tháng)		3.700.000	72,5%		
7.2	Nhà trẻ (24-36 tháng)		3.500.000	68,6%		
7.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)		3.700.000	72,5%		
7.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)		4.300.000	84,3%		

TT	Tên đơn vị	Mức trần học phí (đồng/học sinh/tháng)	Mức thu học phí (đồng/học sinh/tháng)	Tỷ lệ mức thu học phí và mức trần học phí	Tổng số thu học phí (triệu đồng)	Ghi chú
II	Cấp học tiểu học	5.900.000			95.011	
8	Trường Tiểu học Nam Từ Liêm				35.249	
8.1	Khối 1, 2, 3, 4		4.450.000	75,4%		
8.2	Khối 5		3.950.000	66,9%		
9	Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng				32.857	
9.1	Khối 1		4.800.000	81,4%		
9.2	Khối 2		4.500.000	76,3%		
9.3	Khối 3		4.500.000	76,3%		
9.4	Khối 4		4.100.000	69,5%		
9.5	Khối 5		4.100.000	69,5%		
10	Trường Tiểu học Trảng An				26.905	
10.1	Khối 1, 2, 3, 4		3.500.000	59,3%		
10.2	Khối 5		3.000.000	50,8%		
III	Cấp học trung học cơ sở	5.300.000			176.087	
11	Trường THCS Nam Từ Liêm		3.655.000	69,0%	34.235	
12	Trường THCS Cầu Giấy		3.010.000	56,8%	43.481	
13	Trường THCS Thanh Xuân				39.936	
13.1	Khối 6, 7		3.900.000	73,6%		
13.2	Khối 8		3.800.000	71,7%		
13.3	Khối 9		3.500.000	66,0%		
14	Trường THCS Chu Văn An - Long Biên		3.900.000	73,6%	16.248	
15	Trường THCS Lê Lợi		3.750.000	70,8%	42.187	
IV	Cấp học trung học phổ thông	6.100.000			84.145	
16	Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa				60.665	
16.1	Khối 10, 11		6.100.000	100,0%		
16.2	Khối 12		6.100.000	100,0%		
17	Trường THPT Lê Lợi				23.480	
17.1	Lớp chất lượng cao		2.750.000	45,1%		
17.2	Lớp chất lượng cao tăng cường tiếng Anh		3.650.000	59,8%		

PHỤ LỤC 03: NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN, CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI THEO HÌNH THỨC HỌC TRỰC TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số **306** /TTr-UBND ngày **06/9/2024** của UBND Thành phố)

1. Nguyên tắc chung

- Học phí của cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên được xác định là giá dịch vụ giáo dục và được xác định trên cơ sở xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội: *“Đối với cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên, cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Cơ sở giáo dục xây dựng mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, trình Ủy ban nhân dân để đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt”*.

- Giá dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí đối với lương biên chế, lương hợp đồng và các khoản chi phí khác ngoài lương. Cơ cấu giá dịch vụ giáo dục được xác định theo chi phí khảo sát bình quân 3 năm liên kế (năm 2021, 2022 và 2023) của 02 cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và 17 cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội là căn cứ để xác định giá dịch vụ giáo dục. Căn cứ theo lương biên chế, các khoản mục khác được xác định theo lương biên chế, từ đó tổng chi phí dịch vụ giáo dục được xác định và là căn cứ để xác định giá dịch vụ giáo dục.

2. Nguyên tắc cụ thể

- **Nguyên tắc 1:** Xác định các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội) và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội đạt kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục quy định tại các Thông tư ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 17/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học; số 18/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; số 19/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; các Quyết định của Ủy

ban nhân dân Thành phố: số 20/2013/QĐ-UBND ban hành quy định cụ thể các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục chất lượng cao áp dụng tại một số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao; số 21/2013/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định bổ sung chương trình giảng dạy nâng cao, ngoài chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông để áp dụng đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông chất lượng cao.

- **Nguyên tắc 2:** Học phí là giá dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục tự bảo đảm chi thường xuyên và được thu từ người học. Học phí đảm bảo đủ chi cho dịch vụ giáo dục của các cơ sở giáo dục này.

- **Nguyên tắc 3:** Cơ cấu chi dịch vụ giáo dục được xác định trên cơ sở khảo sát mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề (năm 2021, 2022 và 2023). Trên cơ sở đó, xác định tỷ trọng các khoản mục lương biên chế và các khoản chi khác trong tổng chi dịch vụ giáo dục.

- **Nguyên tắc 4:** Xác định giá dịch vụ giáo dục tiêu chuẩn.

Giá dịch vụ tiêu chuẩn được xác định cho mục đích xác định giá dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục công lập tự chủ chi thường xuyên và cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, là giá dịch vụ tiêu chuẩn chưa bao gồm chi phí dạy tiếng Anh tăng cường và các câu lạc bộ khác ngoài giờ chính khóa.

Giá dịch vụ giáo dục tiêu chuẩn là giá dịch vụ giáo dục bình quân 3 năm liền kề (năm 2021, 2022, 2023). Giá dịch vụ tiêu chuẩn là giá dịch vụ giáo dục của khối lớp có mức thu học phí thấp so với các khối lớp khác.

+ *Giá dịch vụ giáo dục của các lớp học dạy tiếng Anh tăng cường ngoài chương trình đào tạo chung của cơ sở giáo dục.*

Giá dịch vụ giáo dục của các lớp học dạy tiếng Anh tăng cường = Giá dịch vụ giáo dục tiêu chuẩn + Chi phí dạy tiếng Anh tăng cường

Chi phí dạy tiếng Anh tăng cường xác định theo chi phí thực tế trên cơ sở thỏa thuận giữa nhà trường và đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ *Giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp khác:*

Giá dịch vụ tiêu chuẩn = Giá dịch vụ giáo dục của khối lớp có mức thu học phí thấp nhất so với các khối lớp khác.

Giá dịch vụ giáo dục của khối lớp khác = Giá dịch vụ giáo dục tiêu chuẩn + Chênh lệch mức thu học phí của năm học trước liền kề giữa các khối lớp khác so với khối lớp có giá dịch vụ tiêu chuẩn.

- **Nguyên tắc 5:** Giá dịch vụ giáo dục được xác định trên cơ sở các khoản mục cấu thành giá theo định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí. Theo đó: lương biên chế và các khoản mục khác được xác định theo định mức chi phí trên cơ sở tỷ trọng của từng khoản mục so với lương biên chế.

Lương biên chế được xác định theo hệ số lương, các khoản phụ cấp khác theo bảng lương và lương cơ bản. Lương biên chế sẽ được bổ sung khi lương cơ bản thay đổi.

Lương cơ bản được áp dụng là 2.340.000 đồng/tháng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang từ ngày 1/7/2024. Theo đó, giá dịch vụ giáo dục được bổ sung tiền lương biên chế khi mức lương cơ bản tăng từ 1.800.000 đồng/tháng lên 2.340.000 đồng/tháng.

Lương biên chế bổ sung = Lương biên chế bình quân năm trước x $(2.340.000 - 1.800.000)/1.800.000$

Như vậy, chi phí dịch vụ giáo dục được xác định như sau

Học phí = Lương biên chế (1+ tỷ lệ điều chỉnh lương cơ bản) + Khoản mục chi phí khác ngoài lương biên chế

+ Nếu giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp được xác định cao hơn mức thu học phí đề xuất của cơ sở giáo dục thì giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp này bằng mức thu đề xuất của cơ sở giáo dục.

+ Nếu giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp được xác định theo định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí thấp hơn mức thu học phí đề xuất của cơ sở giáo dục thì giá dịch vụ giáo dục của các khối lớp này bằng mức thu học phí được xác định theo định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí.

- **Nguyên tắc 6:** Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao tự bảo đảm một phần chi thường xuyên đang trong lộ trình tự chủ chi thường xuyên được thu học phí của cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao. Học phí không bao gồm nguồn chi từ ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đủ chi và không thấp hơn học phí của năm trước liền kề.

Cụ thể: đối với trường THCS Chu Văn An - Long Biên là trường chất lượng cao từ ngày 08/07/2022. Theo quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế tài chính áp dụng đối với các cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô (Theo khoản 4 Điều 12 Luật Thủ đô), đến tháng 8/2025 trường THCS Chu Văn An mới tự bảo đảm chi thường xuyên. Học phí đề xuất cho năm học 2024-2025 của trường THCS Chu Văn An không bao gồm chi NSNN hỗ trợ.

Học phí = Giá dịch vụ giáo dục - Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ

PHỤ LỤC SỐ 04: MỨC THU HỌC PHÍ ĐỀ XUẤT NĂM HỌC 2024-2025 ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN; CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP CHẤT LƯỢNG CAO CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Tờ trình số **306** /TTr-UBND ngày **06** / **9** /2024 của UBND Thành phố)

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng.

TT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2023-2024	Mức thu học phí đề xuất năm học 2024-2025	Tỷ lệ mức thu học phí đề xuất năm học 2024-2025 và mức thu học phí năm học 2023-2024	Ghi chú
A	Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)				
1	Trường Mầm non Linh Đàm				
	Nhà trẻ	2.500.000	2.500.000	0%	
	Mẫu giáo	2.200.000	2.400.000	9%	
2	Trường THPT Hoàng Cầu				
	Khối 10, 11	1.670.000	1.810.000	8%	
	Khối 12	1.830.000	1.970.000	8%	
B	Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao				
I	Cấp mầm non				
1	Trường Mầm non đô thị Sài Đồng				
1.1	Nhà trẻ 12-18 tháng	5.100.000	5.100.000	0%	
1.2	Nhà trẻ 24-36 tháng; Mẫu giáo	3.950.000	4.300.000	9%	
2	Trường Mầm non 20-10	4.945.000	5.100.000	3%	
3	Trường Mầm non đô thị Việt Hưng				
3.1	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.850.000	5.100.000	5%	
3.2	Nhà trẻ; Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.550.000	3.800.000	7%	
4	Trường Mầm non Việt Bun				
4.1	Nhà trẻ	3.640.000	3.850.000	6%	
4.2	Mẫu giáo	3.440.000	3.650.000	6%	
5	Trường Mầm non B				
5.1	Nhà trẻ (18-24 tháng)	4.500.000	4.500.000	0%	
5.2	Nhà trẻ (24-36 tháng)	4.000.000	4.300.000	8%	
5.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.000.000	3.300.000	10%	
5.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.500.000	4.800.000	7%	
6	Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị				
6.1	Nhà trẻ (18-24 tháng)	5.100.000	5.100.000	0%	
6.2	Nhà trẻ (24-36 tháng)	4.300.000	4.300.000	0%	
6.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	4.300.000	4.300.000	0%	
6.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	5.100.000	5.100.000	0%	
7	Trường Mầm non Mai Dịch				
7.1	Nhà trẻ (18-24 tháng)	3.700.000	4.000.000	8%	
7.2	Nhà trẻ (24-36 tháng)	3.500.000	3.800.000	9%	
7.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.700.000	4.000.000	8%	
7.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.300.000	4.600.000	7%	

TT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2023-2024	Mức thu học phí đề xuất năm học 2024-2025	Tỷ lệ mức thu học phí đề xuất năm học 2024-2025 và mức thu học phí năm học 2023-2024	Ghi chú
II	Cấp học tiểu học				
8	Trường Tiểu học Nam Từ Liêm				
8.1	Khối 1, 2, 3, 4	4.450.000	4.650.000	4%	
8.2	Khối 5	3.950.000	4.150.000	5%	
9	Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng				
9.1	Khối 1	4.800.000	5.000.000	4%	
9.2	Khối 2	4.500.000	4.750.000	6%	
9.3	Khối 3	4.500.000	4.500.000	0%	
9.4	Khối 4	4.100.000	4.350.000	6%	
9.5	Khối 5	4.100.000	4.350.000	6%	
10	Trường Tiểu học Trảng An				
10.1	Khối 1, 2, 3, 4	3.500.000	3.700.000	6%	
10.2	Khối 5	3.000.000	3.300.000	10%	
III	Cấp học trung học cơ sở				
11	Trường THCS Nam Từ Liêm	3.655.000	4.020.000	10%	
12	Trường THCS Cầu Giấy	3.010.000	3.300.000	10%	
13	Trường THCS Thanh Xuân				
13.1	Khối 6, 7	3.900.000	4.000.000	3%	
13.2	Khối 8	3.800.000	4.000.000	5%	
13.3	Khối 9	3.500.000	3.700.000	6%	
14	Trường THCS Chu Văn An - Long Biên	3.900.000	3.900.000	0%	
15	Trường THCS Lê Lợi	3.750.000	4.050.000	8%	
IV	Cấp học trung học phổ thông				
16	Trường THPT Phan Huy Chú - Đống Đa				
16.1	Khối 10, 11	6.100.000	6.100.000	0%	
16.2	Khối 12	6.100.000	6.100.000	0%	
17	Trường THPT Lê Lợi				
17.1	Lớp chất lượng cao	2.750.000	3.000.000	9%	
17.2	Lớp chất lượng cao tăng cường tiếng Anh	3.650.000	3.900.000	7%	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND
Dự thảo

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 ngày 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 21 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc dự thảo Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo giải trình, tiếp thu số .../BC-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025, gồm:

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao);

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên của thành phố Hà Nội (không bao gồm các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đang thực hiện thí điểm đặt hàng giá dịch vụ giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 của HĐND thành phố Hà Nội về giá dịch vụ giáo dục tạm thời để thực hiện thí điểm đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sử dụng ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội; các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao) và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội và trẻ em mầm non, học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục này.

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan trong việc thi hành Nghị quyết.

Điều 2. Quy định về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025

1. Mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến: bằng 75% mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp và được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 3. Quy định áp dụng mức thu học phí theo hình thức học trực tiếp, trực tuyến đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng.

Đối với các tháng đồng thời áp dụng cả hai hình thức học trực tiếp và trực tuyến: Căn cứ thời gian học tập của học sinh tại đơn vị để áp dụng mức thu học

phí của tháng đó, trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tiếp từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tiếp; trường hợp thời gian học tập theo hình thức học trực tuyến từ 14 ngày trở lên thì thực hiện thu theo hình thức học trực tuyến (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) và mức thu học phí tương ứng đã được quy định.

Thời gian thu học phí thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2024-2025.

b) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố mức thu học phí các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng Thành ủy;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND TP; UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC: Mức thu học phí năm học 2024-2025 đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chất lượng cao của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày / /2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Đồng/học sinh/tháng

STT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2024-2025
A	Cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao)	
1	Trường Mầm non Linh Đàm	
1.1	Nhà trẻ	2.500.000
1.2	Mẫu giáo	2.400.000
2	Trường Trung học phổ thông Hoàng Cầu	
2.1	Khối 10, 11	1.810.000
2.2	Khối 12	1.970.000
B	Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao	
1	Trường Mầm non đô thị Sài Đồng	
1.1	Nhà trẻ 12-18 tháng	5.100.000
1.2	Nhà trẻ 24-36 tháng; Mẫu giáo	4.300.000
2	Trường Mầm non 20-10	5.100.000
3	Trường Mầm non đô thị Việt Hưng	
3.1	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	5.100.000
3.2	Nhà trẻ; Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.800.000
4	Trường Mầm non Việt Bun	
4.1	Nhà trẻ	3.850.000
4.2	Mẫu giáo	3.650.000
5	Trường Mầm non B	
5.1	Nhà trẻ (18-24 tháng)	4.500.000
5.2	Nhà trẻ (24-36 tháng)	4.300.000
5.3	Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	3.300.000
5.4	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.800.000
6	Trường Mầm non Việt Triều Hữu nghị	
6.1	Nhà trẻ (18-24 tháng); Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	5.100.000
6.2	Nhà trẻ (24-36 tháng); Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	4.300.000

STT	Tên đơn vị	Mức thu học phí năm học 2024-2025
7	Trường Mầm non Mai Dịch	
7.1	Nhà trẻ (18-24 tháng); Mẫu giáo (3 buổi tiếng Anh/tuần)	4.000.000
7.2	Nhà trẻ (24-36 tháng)	3.800.000
7.3	Mẫu giáo (5 buổi tiếng Anh/tuần)	4.600.000
8	Trường Tiểu học Nam Từ Liêm	
8.1	Khối 1, 2, 3, 4	4.650.000
8.2	Khối 5	4.150.000
9	Trường Tiểu học đô thị Sài Đồng	
9.1	Khối 1	5.000.000
9.2	Khối 2	4.750.000
9.4	Khối 3	4.500.000
9.4	Khối 4, 5	4.350.000
10	Trường Tiểu học Tràng An	
10.1	Khối 1, 2, 3, 4	3.700.000
10.2	Khối 5	3.300.000
11	Trường Trung học cơ sở Nam Từ Liêm	4.020.000
12	Trường Trung học cơ sở Cầu Giấy	3.300.000
13	Trường Trung học cơ sở Thanh Xuân	
13.1	Khối 6, 7, 8	4.000.000
13.2	Khối 9	3.700.000
14	Trường Trung học cơ sở Chu Văn An - Long Biên	3.900.000
15	Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	4.050.000
16	Trường Trung học phổ thông Phan Huy Chú - Đống Đa	6.100.000
17	Trường Trung học phổ thông Lê Lợi	
17.1	Lớp chất lượng cao	3.000.000
17.2	Lớp chất lượng cao tăng cường tiếng Anh	3.900.000